

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 729 /2025 /DS-PT

Ngày: 16/12/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn

Ông Trần Nam Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành Phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Nguyễn Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân Thành Phố Cần Thơ công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 156/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 121/2025/DS-ST, ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; Nay là Tòa án khu vực 1 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 743/2025/QĐPT-DS, ngày 05 tháng 11 năm 2025, giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P). Địa chỉ chi nhánh C1: Số A T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Cảnh K, ông Trần Phương K1; Địa chỉ liên hệ: Lầu F, số A T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1979. Hộ khẩu thường trú: Số H N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1997. Hộ khẩu thường trú: Khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1995. Địa chỉ: Số C N, Khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Nơi ở hiện tại: Số A, đường số B, KDC N, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

3.2. Bị đơn ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ D uỷ quyền cho ông Nguyễn Ngọc T đại diện tham gia tố tụng tại Toà án.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc T là đại diện uỷ quyền của các bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P) trình bày được tóm tắt vụ việc như sau Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P), Sau đây gọi tắt là P có ký hợp đồng tín dụng cho vay đối với các bị đơn bao gồm:

** Hợp đồng NH P ký kết với ông Nguyễn Thanh H là:*

Thứ 1: Ông Nguyễn Thanh H ký kết Hợp đồng hạn mức cho vay số 391/2021/HĐHM/PVB-CNCTO, ngày 30/12/2021, Khế ước nhận nợ ngày 08/12/2022 vay 1.880.000.000 đồng, dư nợ tính đến ngày 29/5/2025: Nợ gốc: 1.879.854.629 đồng; Lãi: 763.614.053 đồng. Tổng cộng: 2.643.468.682 đồng.

Thứ 2: Ông Nguyễn Thanh H ký kết Hợp đồng cho vay số 378/2021/HĐTD/PVB-CNCTO, ngày 23/12/2021, Khế ước nhận nợ ngày 23/12/2021 để vay số tiền 950.000.000 đồng, dư nợ tính đến ngày 29/5/2025 là: Nợ gốc: 892.993.544 đồng; Lãi: 221.631.763 đồng. Tổng cộng: 1.114.125.307 đồng. Để bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng cho vay số 378/2021/HĐTD/PVB này, ông Nguyễn Thanh H đã ký Hợp đồng thế chấp số 378/2021/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 23/12/2021, để thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 329705, số vào sổ: CT05282 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 14/10/2013, cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho ông Nguyễn Thanh H vào ngày 14/12/2021 thuộc

thửa đất số 6640; tờ bản đồ: 1; Địa chỉ: Căn hộ T tầng D, Chung cư T, K, thuộc khu dân cư L, khu đô thị M, P. P, Q. C, TP .. Diện tích sàn: 99,4m².

Thứ 3, khoản vay thẻ tín dụng: Ngày 12/01/2022, ông Nguyễn Thanh H ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng hạn mức 90.000.000 đồng, dư nợ tính đến ngày 29/5/2025 là: Nợ gốc: 62.158.709 đồng; Lãi: 34.558.734 đồng. Tổng cộng: 96.717.443 đồng.

Thứ 4, khoản vay góp lương: Ngày 12/01/2022, ông Nguyễn Thanh H ký kết Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 10774946/HĐTD/PVB-CTO-KHCN, với số tiền vay là 150.000.000 đồng, dư nợ tính đến ngày 29/5/2025 là: Nợ gốc: 98.098.311 đồng; Lãi: 38.676.287 đồng. Tổng cộng: 136.774.598 đồng.

Thứ 5, khoản vay thấu chi: Ngày 19/01/2023, ông Nguyễn Thanh H ký kết Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 28/2023/HĐTD/PVB-CNCTO, hạn mức 150.000.000 đồng, dư nợ tính đến ngày 29/5/2025 là: Nợ gốc: 145.500.000 đồng; Lãi: 76.269.484 đồng. Tổng cộng: 221.769.484 đồng.

- Tổng dư nợ các khoản vay tính đến ngày 29/5/2025 của ông H là: 4.212.855.514 đồng (bốn tỷ, hai trăm mười hai triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn, năm trăm mười bốn đồng); Trong đó, Tổng gốc: 3.078.605.193 đồng; Tổng lãi: 1.134.750.321 đồng

** Hợp đồng NH Đại Chúng ký kết với bà Nguyễn Thị Mỹ D là:*

Thứ 1: Bà Nguyễn Thị Mỹ D ký kết Hợp đồng cho vay số 392/2021/HĐTD/PVB-CNCTO ngày 30/12/2021, Khế ước nhận nợ ngày 31/12/2021 để vay 2.000.000.000 đồng, dư nợ của bà Nguyễn Thị Mỹ D tính đến ngày 29/5/2025 là: Nợ gốc: 1.893.274.739 đồng; Lãi: 592.681.616 đồng. Tổng cộng: 2.485.956.355 đồng.

Thứ 2: Bà Nguyễn Thị Mỹ D ký kết Hợp đồng hạn mức cho vay số 393/2021/HĐHM/PVB-CNCTO ngày 30/12/2021 (“Hợp đồng tín dụng”), Khế ước nhận nợ ngày 23/11/2022 để vay 1.000.000.000 đồng, dư nợ tính đến ngày 29/5/2025 là: Nợ gốc: 999.930.297 đồng; Lãi: 421.304.126 đồng. Tổng cộng: 1.421.234.423 đồng.

- Tổng dư nợ các khoản vay của bà D tính đến ngày 29/5/2025 là: Tổng cộng: 3.907.190.778 đồng (ba tỷ, chín trăm lẻ bảy triệu, một trăm chín mươi ngàn, bảy

trăm bảy mươi tám đồng); Trong đó, Tổng gốc: 2.893.205.036 đồng; Tổng lãi: 1.013.985.742 đồng.

** Để bảo đảm cho các khoản vay của các Hợp đồng hạn mức số 391/2021/HĐHM/PVB-CNCTO của ông H; Hợp đồng cho vay số 392/2021/HĐHM/PVB-CNCTO của bà D và Hợp đồng hạn mức số 393/2021/HĐHM/PVB-CNCTO của bà D. NH P ký kết với ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ D cùng ông Nguyễn Ngọc T đã ký Hợp đồng thế chấp số 391/2021/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 30/12/2021 bao gồm tài sản thế chấp như sau:*

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 279072, số vào sổ: CH03749 do Ủy ban nhân dân quận Ô cấp ngày 06/8/2012 cho hộ ông Nguyễn Ngọc C, cập nhật thay đổi chủ sở hữu sang ông Nguyễn Ngọc T vào ngày 10/7/2017, thuộc thửa đất số 457; tờ bản đồ: 10; Địa chỉ: Khu V, phường P, quận Ô, TP .; Diện tích: 1174m².

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 279073, số vào sổ: CH03750 do Ủy ban nhân dân quận Ô cấp ngày 06/8/2012 cho hộ ông Nguyễn Ngọc C, cập nhật thay đổi chủ sở hữu sang ông Nguyễn Ngọc T vào ngày 10/7/2017, thuộc thửa đất số 458; tờ bản đồ: 10; Địa chỉ: Khu V, phường P, quận Ô, TP .; Diện tích: 1593m².

Tài sản thứ ba: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 279074, số vào sổ: CH03748 do Ủy ban nhân dân quận Ô cấp ngày 06/8/2012 cho hộ ông Nguyễn Ngọc C, cập nhật thay đổi chủ sở hữu sang ông Nguyễn Ngọc T vào ngày 10/7/2017, thuộc Thửa đất số 456; tờ bản đồ: 10; Địa chỉ: Khu V, phường P, quận Ô, TP .; Diện tích: 6211,5m².

Do bị đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ D đã không trả nợ theo như cam kết, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu các vấn đề như sau:

- Buộc ông Nguyễn Thanh H trả cho P, tổng dư nợ các khoản vay tính đến ngày 29/5/2025, tổng cộng gốc và lãi là: 4.212.855.514 đồng (bốn tỷ, hai trăm mười hai triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn, năm trăm mười bốn đồng) và nợ lãi phát sinh từ ngày 30/5/2025 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức cho vay số 391/2021/HĐHM/PVB-CNCTO ngày 30/12/2021, Hợp đồng cho vay số

378/2021/HĐTD/PVB-CNCTO ngày 23/12/2021 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/01/2022, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 10774946 ngày 12/01/2022, Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 28/2023/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 19/01/2023 cho đến khi ông Nguyễn Thanh H thanh toán xong các khoản nợ.

- Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D trả P, tổng dư nợ các khoản vay hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/5/2025, tổng cộng nợ gốc và lãi là: 3.907.190.778 đồng (ba tỷ, chín trăm lẻ bảy triệu, một trăm chín mươi ngàn, bảy trăm bảy mươi tám đồng) và Và nợ lãi phát sinh từ ngày 30/5/2025 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 392/2021/HĐTD/PVB-CNCTO và số 393/2021/HĐHM/PVB-CNCTO ngày 30/12/2021 cho đến khi bà Nguyễn Thị Mỹ D thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp, ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ D không tất toán được khoản vay thì P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 378/2021/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 23/12/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 391/2021/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 30/12/2021 để thu hồi nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ D. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ D vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho P.

Đại diện ủy quyền của các bị đơn và là người liên quan, ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Bị đơn có ký các hợp đồng vay tín dụng trình bày của NH P, hiện nay tổng nợ gốc là:

- Tổng nợ gốc ông Nguyễn Thanh H còn nợ theo các hợp đồng vay là: 3.078.605.193 đồng.

- Tổng nợ gốc bà Nguyễn Thị Mỹ D còn nợ theo các hợp đồng vay là: 2.893.205.036 đồng. Ngân hàng khởi kiện và kê khai nợ gốc, nợ lãi. Phía bị đơn chỉ thống nhất nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng hạn mức cho vay số 391/2021/HĐHM/PVB-CNCTO, số 392/2021/HĐTD/PVB-CNCTO và số 393/2021/HĐHM/PVB-CNCTO ngày 30/12/2021.

Đối với các khoản vay khác của ông H, bà D thì chỉ thống nhất nợ gốc, không thống nhất phần tính lãi, bởi lẽ nguyên đơn yêu cầu tiền lãi đã vượt quá 20%/năm của khoản vay là vi phạm Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 về lãi suất.

Mặt khác, trong giai đoạn giải quyết vụ án, ông H, bà D có đơn yêu cầu gửi đến Ngân hàng xin cơ cấu nợ theo thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/04/2023, nhưng Ngân hàng không phản hồi. Do vậy, bị đơn không đồng ý trả khoản lãi chậm trả như Ngân hàng yêu cầu, do đây không phải là lỗi của bị đơn.

Đối với hợp đồng thế chấp bảo đảm cho khoản vay, ông Nguyễn Ngọc T xác định chỉ ký hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho 3 hợp đồng tín dụng số 391, 392 và 393 giữa Ngân hàng và ông H, bà D. Ngoài ra, ông T không chấp nhận bảo lãnh thêm cho khoản nợ nào khác. Trường hợp, giữa Ngân hàng và ông H có ký hợp đồng tín dụng nào khác thêm thì đó là trách nhiệm của ông H, tại thời điểm ký kết thêm hợp đồng, ông T không biết và Ngân hàng cũng không cho ông T biết nên không thể buộc ông chịu nghĩa vụ bảo lãnh cả phần nợ phát sinh thêm. Nếu bị đơn không thanh toán nợ, nguyên đơn buộc phát mãi tài sản để thu hồi toàn bộ số nợ là ảnh hưởng đến quyền sở hữu tài sản của ông T và không phù hợp với nghĩa vụ của người bảo lãnh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 121/2025/DS-ST, ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tuyên xử:

- Buộc ông Nguyễn Thanh H, phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi tính chung đến ngày 29/5/2025 là 4.212.855.514 đồng (bốn tỷ, hai trăm mười hai triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn, năm trăm mười bốn đồng); Trong đó nợ gốc là 3.078.605.193 đồng và lãi: 1.134.750.321 đồng

- Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi tính chung đến ngày 29/5/2025 là 3.907.190.778 đồng (ba tỷ, chín trăm lẻ bảy triệu, một trăm chín mươi ngàn, bảy trăm bảy mươi tám đồng); Trong đó, gốc là 2.893.205.036 đồng và lãi: 1.013.985.742 đồng

- Trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 378/2021/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 23/12/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 391/2021/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 30/12/2021 để thu hồi nợ.

- Sau khi đã phát mãi tài sản đảm bảo mà vẫn chưa trả hết nợ cho Ngân hàng, bà Ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ D tiếp tục có trách nhiệm dùng tài sản khác thuộc quyền sở hữu của mình để thanh toán cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời gian bắt đầu trả nợ, phương thức và cách thanh toán nợ, án phí dân sự sơ thẩm, Nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/5/2025 ông Nguyễn Ngọc T là người có quyền và nghĩa vụ liên quan và là đại diện ủy quyền của các bị đơn ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ D có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 121/2025/DS-ST, ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc T giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử đưa ông Nguyễn Ngọc C và bà Nguyễn Ngọc L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phân tích đánh giá tính pháp lý các chứng cứ các đương sự cung cấp. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 121/2025/DS-ST, ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (có bài phát biểu kèm theo hồ sơ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Ngọc C và bà Nguyễn Ngọc L có đơn đề nghị tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử hội ý xem xét nội dung bản án. Theo đó, xét thấy phần quyết định của bản án tuyên buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ D phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi; Trường hợp bị đơn không thanh toán

được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 378/2021/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 23/12/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 391/2021/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 30/12/2021 để thu hồi nợ; Sau khi đã phát mãi tài sản đảm bảo mà vẫn chưa trả hết nợ cho Ngân hàng, bà Ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ D tiếp tục có trách nhiệm dùng tài sản khác thuộc quyền sở hữu của mình để thanh toán cho đến khi dứt nợ. Theo nội dung tuyên không bao gồm căn nhà của ông Nguyễn Ngọc C và bà Nguyễn Ngọc L, nên chưa ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của ông, bà; Nên yêu cầu của ông C, bà L tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không cần thiết và không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất phần nợ gốc các đương sự thống nhất và không yêu cầu kháng cáo. Về lãi tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Ngọc T là người có quyền và nghĩa vụ liên quan và là đại diện ủy quyền của các bị đơn ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ D cho rằng, Ông đã có đơn yêu cầu cơ cấu nợ nhưng Ngân Hàng không xem xét; Đồng thời Ngân Hàng đã áp dụng mức lãi qua cao trên 20% so với quy định của Bộ luật dân sự; Đối nghĩa vụ bảo đảm ông T cho rằng, Bản án sơ thẩm tuyên *“Trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 378/2021/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 23/12/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 391/2021/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 30/12/2021 để thu hồi nợ”* là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông vì ông không cam kết bảo đảm đối với khoản vay tín dụng, vay góp lương và vay thời chi. Tại phiên tòa ông T1 còn cho rằng, cấp sơ thẩm không xem xét toàn diện vụ án, quyết định của bản án đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông H, bà D và của ông, nên đề nghị hủy án sơ thẩm.

[3] *Xét kháng cáo của bị đơn đối với yêu cầu Ngân hàng cơ cấu nợ của ông H, bà D theo thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/04/2023:* Nội dung trên đã được cấp sơ thẩm phân tích đánh giá về việc cơ cấu lại nợ của khách hàng phụ thuộc vào quy trình xem xét xét duyệt và quyết định thuộc nội bộ Ngân hàng. Nội dung yêu cầu cơ cấu nợ của ông H, bà D cũng được Ngân Hàng xác định các đương sự không đủ điều kiện được cơ cấu lại khoản vay, nên yêu cầu trên không được chấp nhận.

[4] *Đối với kháng cáo cho rằng lãi suất Ngân hàng tính đã vượt quá 20%:* Hội đồng xét xử xét thấy, Lãi suất cho vay của các Ngân Hàng là sự thỏa thuận

trực tiếp của Ngân Hàng với khách hàng không có mức trần quy định cụ thể cho Ngân Hàng. Do đó, việc Ngân Hàng với khách hàng, ông H, bà D và người liên quan ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp không phụ thuộc quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nên kháng cáo yêu cầu xem xét lại lãi suất theo 468 Bộ luật dân sự 2015 là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] *Đối với kháng cáo không đồng ý phải chịu trách nhiệm bảo đảm đối với khoản vay tín dụng, vay góp lương và vay thối chi:* Nhận thấy, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 391/2021/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 30/12/2021, đã ký kết giữa Ngân hàng và ông T có nội dung “*Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 hợp đồng này bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo đảm đối với Ngân hàng phát sinh từ*”, Hợp đồng vay số 391/2021/HĐHM/PVB-CNCTO, ngày 30/12/2021; Hợp đồng hạn mức cho vay số 393/2021/HĐHM/PVB-CNCTO ngày 30/12/2021; “*Các hợp đồng, văn bản khác được ký kết trước, trong thời điểm ký kết hợp đồng này hoặc hình thành trong tương lai sau thời điểm ký kết này bao gồm phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khuế ước nợ và các văn bản liên quan*”. Từ nội dung thỏa thuận giao kết như trên và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được ông T thừa nhận tự nguyện ký kết, do đó bản án sơ thẩm đã tuyên “*Trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 378/2021/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 23/12/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 391/2021/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 30/12/2021 để thu hồi nợ*” là có căn cứ.

[6] Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Ngọc T là người có quyền và nghĩa vụ liên quan và là đại diện ủy quyền của các bị đơn ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ D kháng cáo nhưng không chứng minh cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng tố tụng, không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh các yêu cầu liên quan đến nghĩa vụ trả nợ, lãi suất và nghĩa vụ bảo đảm để Hội đồng xét xử xem xét lại. Nên kháng cáo của ông T không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Có Căn cứ chấp nhận đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm có gửi đơn xin miễn, giảm án phí với lý do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, Hiện tại chưa có việc làm; Ngoài ra chị D cho rằng phải nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về án phí và lệ phí Tòa án, quy định định trường hợp giảm như sau: “*Cá nhân gặp sự kiện bất khả kháng không còn khả năng nộp án phí thì được miễn đến 50% nếu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền*”. Tuy nhiên theo vụ án này các bị đơn đều cho rằng bị ảnh hưởng dịch Covid-19, Nhưng xét hợp đồng của bị đơn ký kết là từ tháng 12 năm 2021 sau thời điểm dịch bệnh; Ngoài ra, các bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng không còn khả năng nộp án phí, nên không có căn cứ để được xét miễn giảm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy án của ông Nguyễn Ngọc T là người có quyền và nghĩa vụ liên quan và là đại diện ủy quyền của các bị đơn ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ D.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 121/2025/DS-ST, ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; Nay khu vực 1 – Cần Thơ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Ngọc T ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Mỹ D mỗi người phải chịu 300.000^d (ba trăm ngàn đồng). Chuyển 300.000^d tiền tạm ứng án phí phúc thẩm lần lượt **theo thứ tự của ông T số 0006553, ông H số 0006554, bà Duyên số 0006555, cùng ngày 18/6/2025, của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ninh Kiều; Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Cần Thơ thành án phí.**

4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực theo nội dung quyết định bản án sơ thẩm số 121/2025/DS-ST, ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; Nay khu vực 1 – Cần Thơ đã tuyên.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 16 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND KV 1. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Khải

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

